

Số: **1178**/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **06** tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường công trình:  
Đường giao thông đầu nối từ Khu dân cư Hoàng Thành  
ra Quốc lộ 24 và Khu dân cư dọc hai bên đường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 438/TTr-STNMT ngày 26/10/2017 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường công trình: Đường giao thông đầu nối từ Khu dân cư Hoàng Thành ra Quốc lộ 24 và Khu dân cư dọc hai bên đường và ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 2834/HĐTĐGD ngày 20/10/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường giao thông đầu nối từ Khu dân cư Hoàng Thành ra Quốc lộ 24 và Khu dân cư dọc hai bên đường (*chi tiết có phụ lục giá đất cụ thể kèm theo*).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PVP<sub>NNTN</sub>);
- Lưu: VT-NNTN2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Tuy**

**PHỤ LỤC**

**Giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum để tính tiền bồi thường xây dựng công trình Đường giao thông đầu nối từ Khu dân cư Hoàng Thành ra Quốc lộ 24 và Khu dân cư dọc hai bên đường**

(Kèm theo Quyết định số **1178**/QĐ-UBND ngày **06**/11/2017 của UBND tỉnh)



STT	Tên đơn vị hành chính - Vị trí đất	Giá đất theo Quyết định 72/2014/QĐ-UBND (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá năm 2017 (lần)	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Đất ở đô thị</b>				
<b>1</b>	Đường Duy Tân (đoạn từ đường quy hoạch số 2 khu nhà máy bia cũ đến đường Trần Văn Hai)				
-	Vị trí 1	1.800.000	1,1	2,71	4.878.000
-	Vị trí 2	1.170.000	1,1	2,71	3.170.700
<b>2</b>	Đường Duy Tân (hẻm 168)				
-	Vị trí 1	400.000	1,0	2,55	1.020.000
-	Vị trí 2	260.000	1,0	3,08	800.800
<b>3</b>	Các đường quy hoạch và các đường, đoạn đường, các ngõ hẻm, hẻm nhánh thuộc phường Trường Chinh (là đường đất chưa quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành)				
-	Vị trí 1	350.000	1,1	2,9143	1.020.000
-	Vị trí 2	228.000	1,1	3,5123	800.800
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp tại thôn Kon Tu 2, phường Trường Chinh</b>				
<b>1</b>	Đất trồng cây hàng năm khác				
		25.000	1,26	5,60	140.000
<b>2</b>	Đất trồng cây lâu năm				
		20.000	1,26	6,75	135.000
<b>3</b>	Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại đô thị				
		40.000	1,44	3,89	155.600
<b>III</b>	<b>Đất ở nông thôn tại thôn 9, xã Đăk Cấm</b>				
<b>1</b>	Các đoạn đường còn lại thuộc khu vực thôn 9 (Đoạn đường thôn 9 xã Đăk Cấm tiếp giáp với hẻm 168 đến hết đất nhà ông Huỳnh Hữu Phát)				
-	Có chiều sâu từ 50 mét trở xuống	100.000	1,0	9,50	950.000
-	Có chiều sâu trên 50 mét	60.000	1,0	13,40	804.000
<b>2</b>	Các đoạn đường còn lại thuộc khu vực thôn 9				
-	Có chiều sâu từ 50 mét trở xuống	100.000	1,0	8,09	809.000
-	Có chiều sâu trên 50 mét	60.000	1,0	11,68	700.800
<b>3</b>	Từ ngã tư đường vào kho đạn đến giáp xã Đăk Blà				
-	Có chiều sâu từ 50 mét trở xuống	200.000	1,0	4,50	900.000
-	Có chiều sâu trên 50 mét	120.000	1,0	6,25	750.000
<b>IV</b>	<b>Đất nông nghiệp tại thôn 9, xã Đăk Cấm</b>				
<b>1</b>	Đất trồng cây hàng năm khác				
		24.000	1,26	5,63	135.120
<b>2</b>	Đất trồng cây lâu năm				
		18.000	1,26	7,24	130.320
<b>3</b>	Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn				
		36.000	1,44	4,17	150.120